

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

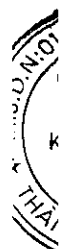
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10/11/2017)
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 10/11/2017)
Ông Vũ Văn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc
Ông Trần Minh Thanh	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10/11/2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

54
Đ
T
M
A
P
=

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (trình bày chế độ kế toán Công ty áp dụng) và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Thành Bình
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

11/03/18
T
+
D
C
11/03/18

Số: 140 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

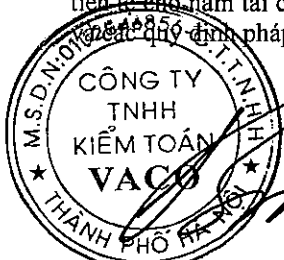
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017



Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.692.422.614	58.013.704.764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.994.638.010	4.433.580.562
1. Tiền	111	5	2.994.638.010	4.433.580.562
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.046.415.195	31.743.804.869
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	55.919.002.490	30.747.101.151
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.756.549.792	414.992.298
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	370.862.913	903.965.028
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	-	(322.253.608)
III. Hàng tồn kho	140	9	33.180.495.870	17.077.992.368
1. Hàng tồn kho	141		33.180.495.870	17.077.992.368
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.470.873.539	4.758.326.965
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.093.552.652	292.869.065
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.813.005.509	2.901.652.822
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.564.315.378	1.563.805.078
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.746.746.609	190.956.330.627
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.377.463.881	417.387.940
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	6.377.463.881	417.387.940
II. Tài sản cố định	220		176.642.189.762	187.544.816.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	159.079.929.630	169.532.242.400
- Nguyên giá	222		201.641.684.897	198.786.932.083
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.561.755.267)	(29.254.689.683)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.562.260.132	18.012.574.496
- Nguyên giá	228		20.260.434.763	20.260.434.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.698.174.631)	(2.247.860.267)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.727.092.966	2.994.125.791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.727.092.966	2.994.125.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		296.439.169.223	248.970.035.391

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

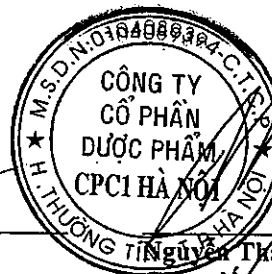
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		150.218.329.214	120.983.686.709
I. Nợ ngắn hạn	310		118.199.228.214	81.908.585.929
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	40.723.875.931	20.236.074.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	2.564.106.707	1.641.653.097
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.731.796.872	60.036.834
4. Phải trả người lao động	314		2.301.833.888	1.636.115.735
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		862.990.455	267.699.829
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.272.727	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		731.447.253	1.310.651.241
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	68.240.904.381	56.756.354.996
II. Nợ dài hạn	330		32.019.101.000	39.075.100.780
1. Phải trả dài hạn khác	337		81.500.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	31.937.601.000	39.517.693.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	(442.592.220)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.220.840.009	127.986.348.682
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	143.913.605.340	125.986.348.682
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		121.717.820.000	121.717.820.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		121.717.820.000	121.717.820.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.473.000.000	5.473.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.722.785.340	(1.204.471.318)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.268.464.876)	(2.772.935.578)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.991.250.216	1.568.464.260
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.307.234.669	2.000.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		2.307.234.669	2.000.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		296.439.169.223	248.970.035.391

jam

Phan Lan Phương
Người lập biểu

Chung

Đặng Thị Thu Thủy
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thanh Bình
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

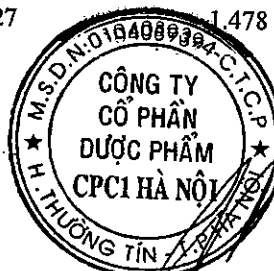
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		169.987.753.043	89.426.206.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		738.535.241	2.268.914.054
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	169.249.217.802	87.157.292.192
4. Giá vốn hàng bán	11	21	99.423.231.425	55.531.832.727
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		69.825.986.377	31.625.459.465
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	81.421.372	54.693.963
7. Chi phí tài chính	22	24	8.710.571.427	7.832.690.099
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.433.803.527	7.700.202.752
8. Chi phí bán hàng	25	25	16.238.905.187	7.698.111.649
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	22.214.099.065	14.615.377.079
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		22.743.832.070	1.533.974.601
11. Thu nhập khác	31		287.836.605	146.542.295
12. Chi phí khác	32		465.741.083	112.052.636
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(177.904.478)	34.489.659
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.565.927.592	1.568.464.260
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.574.677.376	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		17.991.250.216	1.568.464.260
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.478	129

jam

Phan Lan Phương
Người lập biểu

Chuy

Đặng Thị Thu Thủy
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thanh Bình
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

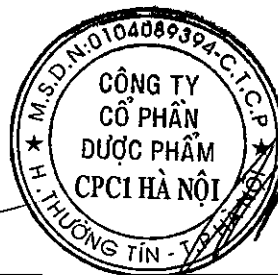
CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	109.510.678.107	69.191.205.653
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(89.509.893.975)	(48.936.277.343)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.900.700.170)	(11.561.576.710)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(7.290.473.432)	(6.321.167.679)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.272.865.193)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	32.630.643.894	17.598.654.296
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30.461.309.272)	(11.745.548.902)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.293.920.041)	8.225.289.315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.060.330.541)	(1.080.885.455)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.850.645	14.055.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.049.479.896)	(1.066.830.144)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	45.185.795.317	77.694.389.269
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(41.281.337.932)	(81.255.303.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.904.457.385	(3.560.914.261)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.438.942.552)	3.597.544.910
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.433.580.562	831.909.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	4.125.811
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.994.638.010	4.433.580.562

jam

Phan Lan Phương
Người lập biểu

Chuy

Đặng Thị Thu Thủy
Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thanh Bình
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 05/08/2009; đăng ký thay đổi lần 14 ngày 10/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 121.717.820.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 278 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 252 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Quảng cáo; Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản; Doanh nghiệp bán buôn thuốc, bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Doanh nghiệp bán thuốc; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;
- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ kính mắt kính thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác;
- Bán buôn vaccin, sinh phẩm y tế; Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn nuôi;
- Dịch vụ nhập khẩu ủy thác;
- Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Đại diện thương nhân; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính ở Hà Nội tại địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội;

Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tại địa chỉ: 356A Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội được thành lập ngày 30/05/2016 theo Nghị quyết HĐQT số 733/2016/QĐ-CPC1HN; Hạch toán phụ thuộc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 10
Tài sản cố định khác	04 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Quyền sử dụng đất	45

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê nhà văn phòng, chi phí sửa chữa bảo trì máy móc và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành nhưng không quá 36 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hoặc tạm trích theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	277.468.348	252.534.535
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.717.169.662	4.181.046.027
Cộng	<u>2.994.638.010</u>	<u>4.433.580.562</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<u>50.303.584.839</u>	<u>25.934.587.010</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư phát triển Thuận Phát	6.651.149.992	6.466.388.482
Công ty TNHH Dược Phẩm VNP	3.014.143.783	3.203.126.031
Công Ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	790.212.723	2.235.636.993
Các đối tượng khác	39.848.078.341	14.029.435.504
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<u>5.615.417.651</u>	<u>4.812.514.141</u>
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC 1	5.615.417.651	4.812.514.141
Cộng	<u>55.919.002.490</u>	<u>30.747.101.151</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(322.253.608)
Giá trị thuần của khoản phải thu ngắn hạn khách hàng	<u>55.919.002.490</u>	<u>30.424.847.543</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	<u>10.756.549.792</u>	<u>414.992.298</u>
Rommelag AG	8.919.128.200	-
Các đối tượng khác	1.837.421.592	414.992.298

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>370.862.913</u>	-	<u>903.965.028</u>	-
- Ký cược, ký quỹ	262.563.325	-	184.308.558	-
- Tạm ứng	58.500.000	-	10.850.000	-
- Phải thu hàng ủy thác nhập khẩu	-	-	522.670.755	-
- Phải thu thuế GTGT hàng ủy thác	41.870.500	-	102.178.308	-
- Các đối tượng khác	7.929.088	-	83.957.407	-
<i>b) Dài hạn</i>	<u>6.377.463.881</u>	-	<u>417.387.940</u>	-
- Ký cược, ký quỹ	6.377.463.881	-	417.387.940	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.709.934.690	-	9.765.800.606	-
Công cụ, dụng cụ	3.608.800	-	-	-
Thành phẩm	9.025.256.944	-	5.897.176.563	-
Hàng hóa	8.441.695.436	-	1.415.015.199	-
Cộng	33.180.495.870	-	17.077.992.368	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.093.552.652	292.869.065
Công cụ, dụng cụ	310.758.340	217.577.483
Chi phí thuê văn phòng	650.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	132.794.312	75.291.582
b) Dài hạn	5.727.092.966	2.994.125.791
Công cụ, dụng cụ	4.381.259.635	2.973.125.791
Phí sửa chữa bảo trì máy móc	1.345.833.331	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	21.000.000
Cộng	6.820.645.618	3.286.994.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	85.343.233.562	99.448.727.658	2.585.658.182	610.862.541	10.798.450.140	198.786.932.083
- Mua trong năm	-	2.261.435.541	593.317.273	-	-	2.854.752.814
Số dư cuối năm	85.343.233.562	101.710.163.199	3.178.975.455	610.862.541	10.798.450.140	201.641.684.897
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY						
Số dư đầu năm	7.546.240.033	18.863.870.104	371.310.722	184.439.176	2.288.829.648	29.254.689.683
- Khấu hao trong năm	2.498.879.232	9.556.726.215	295.903.425	75.251.184	880.305.528	13.307.065.584
Số dư cuối năm	10.045.119.265	28.420.596.319	667.214.147	259.690.360	3.169.135.176	42.561.755.267
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	77.796.993.529	80.584.857.554	2.214.347.460	426.423.365	8.509.620.492	169.532.242.400
Số dư cuối năm	75.298.114.297	73.289.566.880	2.511.761.308	351.172.181	7.629.314.964	159.079.929.630

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 76.125.168.115 VND (tại ngày 01/01/2017 là 93.202.454.838 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	20.260.434.763	20.260.434.763
Số dư cuối năm	20.260.434.763	20.260.434.763
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	2.247.860.267	2.247.860.267
- Khấu hao trong năm	450.314.364	450.314.364
Số dư cuối năm	2.698.174.631	2.698.174.631
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		-
Số dư đầu năm	18.012.574.496	18.012.574.496
Số dư cuối năm	17.562.260.132	17.562.260.132

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND nợ	VND	VND trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn</i>	40.723.875.931	40.723.875.931	20.236.074.197	20.236.074.197
Công ty TNHH Sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	9.287.879.566	9.287.879.566	1.510.361.318	1.510.361.318
Kolmar Pharma Co.,LTD	3.331.793.240	3.331.793.240	-	-
Gracure Pharmaceuticals Ltd	3.307.228.875	3.307.228.875	1.886.016.000	1.886.016.000
Các khoản phải trả người bán khác	8.091.978.503	8.091.978.503	9.160.964.222	9.160.964.222
<i>Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan</i>	16.704.995.747	16.704.995.747	7.678.732.657	7.678.732.657
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC 1	16.704.995.747	16.704.995.747	7.678.732.657	7.678.732.657

14. NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	2.564.106.707	1.641.653.097
Công ty TNHH Novopharm	1.134.090.485	-
Công ty Cổ phần Nasaco	332.594.025	-
Công ty cổ phần Dược phẩm Natruepill	352.103.768	-
Công ty Cổ phần PI Logistics	400.000.000	-
Các đối tượng khác	345.318.429	1.641.653.097
Cộng	2.564.106.707	1.641.653.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Các khoản phải trả</i>				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.794.204.889	1.794.204.889	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.036.834	479.395.703	438.313.041	101.119.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.903.542.569	2.272.865.193	2.630.677.376
Các loại thuế khác	-	24.293.530	24.293.530	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	97.172.570	97.172.570	-
Cộng	60.036.834	7.298.609.261	4.626.849.223	2.731.796.872
<i>b) Các khoản phải thu</i>				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.563.805.078	-	-	1.563.805.078
Thuế xuất, nhập khẩu	-	598.952.416	599.462.716	510.300
Cộng	1.563.805.078	598.952.416	599.462.716	1.564.315.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	68.240.904.381	68.240.904.381	41.281.337.932	52.765.887.317	56.756.354.996	56.756.354.996
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	34.995.484.381	34.995.484.381	34.281.337.932	42.765.887.317	26.510.934.996	26.510.934.996
Vay cá nhân (i)	4.234.574.000	4.234.574.000	980.000.000	-	5.214.574.000	5.214.574.000
Vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	7.859.466.129	4.142.517.211	3.716.948.918	3.716.948.918
VIB - Chi nhánh Cầu Giấy						
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Phòng giao dịch Bạch Mai (ii)	23.180.818.381	23.180.818.381	17.861.779.803	31.043.278.106	9.999.320.078	9.999.320.078
Vay dài hạn đến hạn trả (iii)	7.580.092.000	7.580.092.000	7.580.092.000	7.580.092.000	7.580.092.000	7.580.092.000
<i>Vay ngắn hạn là Bên liên quan</i>	33.245.420.000	33.245.420.000	7.000.000.000	10.000.000.000	30.245.420.000	30.245.420.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1 (iv)	14.500.000.000	14.500.000.000	7.000.000.000	-	21.500.000.000	21.500.000.000
Vay cá nhân (v)	18.745.420.000	18.745.420.000	-	10.000.000.000	8.745.420.000	8.745.420.000
Nguyễn Doãn Liêm	7.845.420.000	7.845.420.000	-	1.600.000.000	6.245.420.000	6.245.420.000
Nguyễn Thanh Bình	9.400.000.000	9.400.000.000	-	6.900.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Lê Nam Thắng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
<i>c) Vay dài hạn</i>	31.937.601.000	31.937.601.000	7.580.092.000	-	39.517.693.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Phòng giao dịch Bạch Mai (vi)	31.937.601.000	31.937.601.000	7.580.092.000	-	39.517.693.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Vay cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0,5%/tháng;
- (ii) Hợp đồng cấp tín dụng ngắn hạn số BMA.DN.671.130317 ký ngày 15/03/2017 với Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Bạch Mai. Hạn mức cấp tín dụng 39 tỷ VND, trong đó hạn mức cho vay 21 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh phát hành 18 tỷ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay của một số tiền vay được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ hoặc thư xuất chứng từ kèm giấy đề nghị cho vay (không quá 12 tháng). Lãi suất cho vay quy định trong khế ước nhận nợ/thư xuất trình chứng từ. Lãi suất áp dụng cho các khế ước vay trong kỳ dao động từ 7,6% - 8,2%/năm. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay: Bất động sản tại cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội và TSCĐ là Phương tiện vận tải đường bộ: 1 xe ô tô TOYOTA, biển số 30E-340.70.
- (iii) Vay dài hạn đến hạn trả theo các hợp đồng được thuyết minh tại mục (vi)
- (iv) Theo hợp đồng số 627/HĐMB ngày 29/12/2014 và phụ lục kèm theo về việc mua máy móc của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1 (TW1), Công ty sẽ thanh toán chậm cho Công ty TW1 số tiền phải trả do mua máy móc với lãi suất 6,5%/năm;
- (v) Vay cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0,5%/tháng;
- (vi) Hợp đồng cấp tín dụng dài hạn số BMA.DN.161.010316 ký ngày 15/03/2016 với Ngân hàng TMCP Á Châu - Phòng giao dịch Bạch Mai. Số tiền vay là 52 tỷ VND. Mục đích vay để đầu tư nhà máy dược, tái cấu trúc tài chính. Thời hạn vay 84 tháng, thời hạn giải ngân 3 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất áp dụng trong năm 2016 dao động từ 8% - 8,5%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: sau 3 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu hoặc kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Trả lãi vay: sau 1 tháng từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu hoặc kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Bất động sản tại cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của tài sản bảo đảm cho khoản vay này được trình bày tại Thuyết minh số 11.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.580.092.000	7.580.092.000
Phải trả từ năm thứ hai đến năm thứ năm	31.937.601.000	39.517.693.000
Cộng	39.517.693.000	47.097.785.000
Trừ số phải trả trong 12 tháng (Được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	7.580.092.000	7.580.092.000
Số phải trả sau 12 tháng	31.937.601.000	39.517.693.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	121.717.820.000	5.473.000.000	(2.772.935.578)	124.417.884.422
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.568.464.260	1.568.464.260
Số dư đầu năm nay	121.717.820.000	5.473.000.000	(1.204.471.318)	125.986.348.682
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.991.250.216	17.991.250.216
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế (i)	-	-	(63.993.558)	(63.993.558)
Số dư cuối năm nay	121.717.820.000	5.473.000.000	16.722.785.340	143.913.605.340

Ghi chú:

- (i) Điều chỉnh theo quyết toán thuế số 8158/QĐ-CCT ngày 10/08/2017 truy thu thuế TNDN năm 2014 là: 56.605.061 VND, năm 2016: 272.260.132 VND, thuế GTGT là: 22.976.253 VND, điều chỉnh tăng thu nhập từ các năm trước là: 287.847.888 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	12.171.782	12.171.782
+ Số cổ phiếu được phép phát hành và đã được góp vốn	12.171.782	12.171.782
+ Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 14 ngày 10/11/2017, vốn điều lệ của Công ty là 121.717.820.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 121.717.820.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thanh Bình	2.294.000	22.940.000.000	18,8%	2.294.000	22.940.000.000	18,8%
Công Ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	2.000.000	20.000.000.000	16,4%	2.000.000	20.000.000.000	16,4%
Lê Thị Kim Ánh	1.875.000	18.750.000.000	15,4%	1.706.000	17.060.000.000	14,0%
Lê Nam Thắng	1.010.066	10.100.660.000	8,3%	1.000.000	10.000.000.000	8,2%
Phùng Thanh Hương	1.248.000	12.480.000.000	10,3%	1.248.000	12.480.000.000	10,3%
Cổ đông khác	3.744.716	37.447.160.000	30,8%	3.923.782	39.237.820.000	32,2%
Cộng	12.171.782	121.717.820.000	100,0%	12.171.782	121.717.820.000	100,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Trong năm Công ty có ký 02 Hợp đồng nghiên cứu khoa học:

- Hợp đồng nghiên cứu Khoa học và phát triển Công nghệ với Văn phòng Chương trình Khoa học và công nghệ Quốc gia theo Hợp đồng số 02/2016/HĐ-CT592 ngày 22/12/2016 để thực hiện Dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nội dung Dự án: "Hoàn thiện quy trình sản xuất thuốc tiêm Palonosetron, Carbetocin và thuốc khí dung Budesonid quy mô công nghiệp sử dụng công nghệ BFS (Blow-Fill-Seal)". Thời gian thực hiện dự án là 30 tháng từ tháng 12/2016 đến tháng 6/2019. Kinh phí thực hiện dự án là 10.474.000.000 VND trong đó kinh phí được Ngân sách Nhà nước cấp là 4.180.000.000 VND và kinh phí từ nguồn khác là 6.294.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đã được Ngân sách Nhà nước giải ngân khoản kinh phí 3.000.000.000 VND để sử dụng triển khai dự án này bắt đầu từ năm 2017.
- Hợp đồng nghiên cứu Khoa học và phát triển công nghệ với Bộ Công thương theo Hợp đồng số 07/HĐ-SXTN.07.17/CNSHCB để thực hiện Dự án thuộc Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020. Nội dung Dự án "Sản xuất sinh khối probiotic từ vi khuẩn Bifidobacterium sử dụng trong công nghiệp thực phẩm và dược phẩm". Thời gian thực hiện dự án là 24 tháng, từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018. Kinh phí thực hiện dự án là 7.100.000.000 VND trong đó kinh phí được Ngân sách Nhà nước cấp là 2.100.000.000 VND và kinh phí từ nguồn khác là 5.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty được Ngân sách Nhà nước giải ngân khoản kinh phí 550.000.000 VND để sử dụng triển khai dự án này.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	17.976,04	14.192,94
Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1 (cổ phần) (i)	3.000.000	3.000.000

Ghi chú:

- (i) Là khoản cổ phiếu Công ty đứng tên là nhà đầu tư vào Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC 1 theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân. Theo quy định của hợp đồng hợp tác đầu tư, các cá nhân sẽ góp vốn cho Công ty để đầu tư mua cổ phiếu của Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1, các cá nhân đầu tư sẽ được hưởng tất cả lợi nhuận và chịu rủi ro xuất phát từ việc đầu tư 3.000.000 cổ phiếu nêu trên, cũng như chịu tất cả các khoản phí liên quan đến việc đầu tư trong thời hạn hợp tác 5 năm. Sau thời hạn 5 năm, Công ty phải thực hiện chuyển nhượng và hợp thức hóa 3.000.000 cổ phần trên vô điều kiện cho các cá nhân đứng tên sở hữu.

Nợ khó đòi đã được xử lý xóa sổ tại ngày 31/12/2017:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu IPC Việt Nam	322.253.608	-
Công ty TNHH Dược phẩm Fusi	118.845.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Napharco	22.249.865	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.987.753.043	89.426.206.246
Doanh thu bán hàng hóa	96.343.384.132	19.873.982.597
Doanh thu bán thành phẩm	66.027.913.443	65.968.682.873
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.616.455.468	3.583.540.776
<i>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>29.794.420.477</i>	<i>34.758.567.300</i>
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC 1	14.361.606.381	29.794.420.477
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	(738.535.241)	(2.268.914.054)
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	(738.535.241)	(2.268.914.054)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>169.249.217.802</u>	<u>87.157.292.192</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	99.423.231.425	55.531.832.727
Cộng	<u>99.423.231.425</u>	<u>55.531.832.727</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.437.557.731	30.838.863.500
Chi phí nhân công	25.230.283.844	15.427.875.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.757.379.948	11.957.052.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.241.651.101	8.692.643.596
Chi phí bằng tiền khác	8.683.398.760	3.891.343.037
Cộng	<u>97.350.271.384</u>	<u>70.807.777.567</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.850.645	14.055.311
Lãi chênh lệch tỷ giá	70.570.727	40.638.652
Cộng	<u>81.421.372</u>	<u>54.693.963</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.433.803.527	7.700.202.752
Lỗ chênh lệch tỷ giá	276.767.900	132.487.347
Cộng	<u>8.710.571.427</u>	<u>7.832.690.099</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	16.238.905.187	7.698.111.649
Chi phí nhân viên bán hàng	9.289.555.812	3.584.226.439
Chi phí đồ dùng văn phòng	755.301.360	127.537.216
Chi phí khấu hao	865.211.817	790.193.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.748.126.154	1.819.986.128
Chi phí bằng tiền khác	2.580.710.044	1.376.167.893
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	22.214.099.065	14.615.377.079
Chi phí nhân viên quản lý	9.649.895.283	6.758.568.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	742.121.534	897.280.095
Chi phí khấu hao	2.728.454.952	2.728.454.952
Thuế, phí và lệ phí	685.463.618	419.757.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.005.868.103	1.715.898.297
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	141.094.865	322.253.608
Chi phí bằng tiền khác	5.261.200.710	1.773.164.302

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	22.565.927.592	1.568.464.260
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	307.459.289	285.931.435
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	4.125.811
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	-	4.125.811
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	307.459.289	290.057.246
- Chi phí không hợp lệ	307.459.289	290.057.246
+ Thù lao HĐQT không chuyên trách	48.000.000	57.000.000
+ Chi phí hàng mẫu, hàng cho biểu tặng khách hàng	-	133.649.209
+ Tiền phạt, chậm nộp bảo hiểm	118.231.649	26.102.764
+ Chi phí không được trừ khác	141.227.640	73.305.273
Chuyển lỗ	-	(1.854.395.695)
Thu nhập chịu thuế	22.873.386.881	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.574.677.376	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.574.677.376	-

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được khấu trừ 307.459.289 VND, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không hợp lý hợp lệ nào cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.991.250.216	1.568.464.260
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	12.171.782	12.171.782
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.478	129
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế, theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào sản xuất và kinh doanh dược phẩm.. Không có các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác, theo đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Do Công ty không hoạt động tại các địa điểm khác nhau, do đó Công ty không áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.
Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Các khoản vay	100.178.505.381	96.274.047.996
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.994.638.010	4.433.580.562
Nợ thuần	97.183.867.371	91.840.467.434
Vốn chủ sở hữu	143.913.605.340	125.986.348.682
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,68	0,73

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.994.638.010	4.433.580.562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.289.865.403	31.651.066.179
Cộng	59.284.503.413	36.084.646.741
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	100.178.505.381	96.274.047.996
Phải trả người bán và phải trả khác	41.536.823.184	21.546.725.438
Chi phí phải trả	862.990.455	267.699.829
Cộng	142.578.319.020	118.088.473.263

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.994.638.010	-	2.994.638.010
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.912.401.522	6.377.463.881	56.289.865.403
Cộng	52.907.039.532	6.377.463.881	59.284.503.413
Cuối năm			
Các khoản vay	68.240.904.381	31.937.601.000	100.178.505.381
Phải trả người bán và phải trả khác	41.455.323.184	81.500.000	41.536.823.184
Chi phí phải trả	862.990.455	-	862.990.455
Cộng	110.559.218.020	32.019.101.000	142.578.319.020
Chênh lệch thanh khoản thuần	(57.652.178.488)	(25.641.637.119)	(83.293.815.607)
Đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.433.580.562	-	4.433.580.562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.651.066.179	-	31.651.066.179
Cộng	36.084.646.741	417.387.940	36.084.646.741
Đầu năm			
Các khoản vay	56.756.354.996	39.517.693.000	96.274.047.996
Phải trả người bán và phải trả khác	21.546.725.438	-	21.546.725.438
Chi phí phải trả	267.699.829	-	267.699.829
Cộng	78.570.780.263	39.517.693.000	118.088.473.263
Chênh lệch thanh khoản thuần	(42.486.133.522)	(39.100.305.060)	(82.003.826.522)

Mức chênh lệch thanh khoản ròng cho thời hạn dưới 1 năm là số âm, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng vấn đề này là do đây là những năm đầu Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên cần huy động nguồn vốn từ bên ngoài trước khi Công ty đi vào hoạt động ổn định, tạo được sự tăng trưởng doanh thu. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài Các giao dịch và số dư với các Bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6; 13; 16; 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty còn giao dịch và số dư với các Bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu với bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua hàng			
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC 1	Cổ đông lớn	17.057.240.870	8.595.183.331
Chi phí lãi vay			
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC 1	Cổ đông lớn	1.264.826.707	1.829.600.280
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Chủ tịch HĐQT	441.363.049	409.491.371
Ông Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc	304.566.666	157.683.334
Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch HĐQT	21.166.667	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:


		<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải trả về lãi vay			
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Chủ tịch HĐQT	120.296.440	95.763.106
Ông Nguyễn Thanh Bình	Giám đốc	115.200.001	38.333.334
Ông Lê Nam Thắng	Chủ tịch HĐQT	19.166.667	-


Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

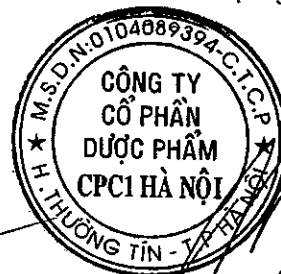
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.317.618.608	420.780.768
	<u>1.317.618.608</u>	<u>420.780.768</u>


31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.


Phan Lan Phương
Người lập biểu


Đặng Thị Thu Thủy
Phụ trách Kế toán




Nguyễn Thanh Bình
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018